CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy

Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 112/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2017.

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Thông tư số 112/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2017 (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 112/2017/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy.[2]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

---

[2] Thông tư số 112/2017/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2017;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy."

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, tổ chức thu phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

Điều 2. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu phí

Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (trực thuộc Bộ Công an), Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy cấp tỉnh và các đơn vị được Bộ Công an cho phép kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy là tổ chức thu phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu phí thực hiện theo quy định tại Biểu phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các chi phí vật tư, công tác phí cần thiết phát sinh khi kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy; chi phí in và dán tem kiểm định do tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định chi trả theo thực tế phát sinh, phù hợp quy định pháp luật.

Điều 5. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí được trích lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP

ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ. Nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện[3]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 42/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 64/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

---

[3] Điều 2 Thông tư số 112/2017/TT-BTC quy định như sau:

"***Điều 2. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2017.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./."

BIỂU PHÍ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Stt	Danh mục	Đơn vị	Mức thu *(đồng)*
A	**Kiểm định phương tiện mẫu**		
I	**Kiểm định phương tiện chữa cháy cơ giới**		
1	Xe chữa cháy thông thường, xe chữa cháy đặc biệt, máy bay chữa cháy, tàu, xuồng chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy	Xe	1.300.000
2	Máy bơm chữa cháy	Cái	400.000
II	**Kiểm định phương tiện chữa cháy thông dụng**		
1	Vòi chữa cháy	Cuộn	200.000
2	Lăng chữa cháy, ống hút chữa cháy	Cái	100.000
3	Đầu nối, hai chạc, ba chạc, ezectơ, giỏ lọc, trụ nước, cột nước, họng nước chữa cháy	Cái	300.000
4	Thang chữa cháy	Cái	300.000
5	Bình chữa cháy	Cái	450.000
III	***Kiểm định các chất chữa cháy***[4]		
1	*Chất bột, chất tạo bọt chữa cháy*	*Kg*	*300.000*
2	*Dung dịch gốc nước chữa cháy*	*Lít*	*300.000*
IV	***Kiểm định vật liệu và chất chống cháy***[5]		
1	*Sơn chống cháy, chất ngâm tẩm chống cháy*	*Kg*	*400.000*

[4] Phần này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 112/2017/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2017.

[5] Phần này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 112/2017/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2017.

2	*Cửa chống cháy*	*Bộ*	*500.000*
3	*Vật liệu chống cháy*	*m^2*	*400.000*
4	*Van chặn lửa và các thiết bị ngăn lửa*	*Cái*	*300.000*
V	***Kiểm định trang phục, thiết bị bảo hộ cá nhân*[6]**		
1	*Quần áo chữa cháy*	*Bộ*	*300.000*
2	*Mũ, ủng, găng tay chữa cháy*	*Cái*	*150.000*
3	*Mặt nạ phòng độc*	*Bộ*	*400.000*
VI	**Kiểm định phương tiện cứu nạn, cứu hộ**		
1	*Phương tiện cứu người*[7]	*Bộ*	*400.000*
2	Phương tiện, dụng cụ phá dỡ	Bộ	200.000
VII	**Kiểm định hệ thống báo cháy tự động, bán tự động**		
1	Tủ trung tâm báo cháy	Bộ	300.000
2	Đầu báo cháy, đầu báo dò khí, nút ấn báo cháy, chuông báo cháy, đèn báo cháy, đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố các loại	Cái	300.000
VIII	**Kiểm định hệ thống chữa cháy tự động, bán tự động bằng nước, bọt**		
1	Đầu phun Sprinkler/Drencher, van báo động, van giám sát, công tắc áp lực, công tắc dòng chảy	Cái	400.000
2	Tủ điều khiển bơm chữa cháy	Bộ	300.000

[6] Phần này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 112/2017/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2017.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 112/2017/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2017.

IX	**Kiểm định hệ thống chữa cháy bằng khí, bột**		
1	Đầu phun khí, bột chữa cháy, van chọn khu vực, công tắc áp lực, tủ điều khiển xả khí, bột chữa cháy, nút ấn, chuông, đèn báo xả khí, bột chữa cháy	Cái	400.000
2	Bình, chai chứa khí, bột	Bộ	400.000
B	**Kiểm định phương tiện lưu thông**	10% kiểm định phương tiện mẫu	

Ghi chú: Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Kiểm định phương tiện mẫu: Là kiểm định sản phẩm sản xuất, nhập khẩu lần đầu và các sản phẩm này dùng để làm mẫu phục vụ sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm kế tiếp.

- Kiểm định phương tiện lưu thông: Là kiểm định những sản phẩm sản xuất mới, lắp ráp, hoán cải ở trong nước hoặc nhập khẩu ở nước ngoài để lưu thông ra thị trường.

Kiểm định phương tiện lưu thông thực hiện theo phương pháp lấy mẫu xác suất; đối với mỗi lô hàng cùng chủng loại, mẫu mã tiến hành kiểm định không quá 5% số lượng phương tiện cần kiểm định, nhưng không ít hơn 10 mẫu; trường hợp kiểm định dưới 10 phương tiện thì kiểm định toàn bộ.

- Kiểm định phương tiện mẫu và kiểm định phương tiện lưu thông thu theo số lượng phương tiện mẫu được kiểm định thực tế.

- Việc phân nhóm kiểm định phương tiện mẫu và kiểm định phương tiện lưu thông tại Thông tư này không phải là cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm định mà chỉ là cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng thu phí trong trường hợp pháp luật có quy định việc kiểm định theo các hình thức nêu trên./.